

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-10-2018.

“V/v ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Đào

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiên và ông Dương Văn Ngạn.

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tổng Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 242/2018/ST-HNGĐ ngày 14/9/2018 về việc ly hôn và nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L , sinh năm 1977.

ĐKKHKT: thôn TK, xã KG, huyện CG, tỉnh HD.

Nơi cư trú: thôn KN, xã TL, huyện CG, tỉnh HD.

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1975.

ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn TK, xã KG, huyện CG, tỉnh HD.

Vắng mặt tại phiên toà (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại UBND xã Kim Giang vào năm 1997. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau chung sống tại gia đình nhà chồng ở xã Kim Giang, cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp về tính tình, bất đồng trong cách sống và cách làm ăn kinh tế dẫn đến gia đình không có hạnh phúc. Thực tế anh chị sống chung với nhau thời gian rất ngắn vì chị đi lao động nước ngoài gần 12 năm. Ngay từ khi còn ở bên nước ngoài anh chị đã có mâu thuẫn nảy sinh, sau khi về nước năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Anh luôn nghi ngờ lòng chung thủy của chị, coi thường chị nhưng chị vẫn nhẫn nhịn vì con. Đến tháng 6/2018 anh đi làm về trong tình trạng say, không làm chủ được bản thân, anh đã chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị đến mức chị phải

đi điều trị tại bệnh viện. Sau khi ra viện chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh nên chị đã chuyển về gia đình nhà ngoại sống và anh chị ly thân từ đó. Trong khoảng thời gian vợ chồng sống ly thân, anh chưa lần nào chủ động gọi điện hoặc gặp chị để bàn bạc khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh để mỗi người ổn định cuộc sống riêng của mình.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị L trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì chị L đi lao động tại Đài Loan. Chị đi suốt 12 năm và không quan tâm gì đến cuộc sống ở nhà của bố con anh. Anh đã khuyên chị nhiều lần về nhà làm ăn để gia đình sum họp nhưng chị không nghe lời dẫn đến mâu thuẫn phát sinh. Trong thời gian chị đi lao động nước ngoài, chị rất ít khi gọi điện về hỏi han tình hình gia đình. Đến năm 2017 chị về nước tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt, chị coi thường anh, vợ chồng không tin tưởng nhau, kinh tế không rõ ràng, minh bạch. Nhiều lần anh ức chế và cũng sử dụng bạo lực với chị. Tuy nhiên anh đánh nhẹ thì chị làm ầm ĩ làng xóm. Anh thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng chị trình bày là chính xác. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bản thân anh cũng không có cách nào khắc phục để gia đình hòa thuận. Anh không còn tình cảm với chị nhưng chị làm đơn xin ly hôn, anh không nhất trí vì hiện nay các con còn nhỏ tuổi, anh chị cứ sống ly thân như vậy mà không cần thiết phải ly hôn để các con vẫn còn chỗ dựa về mặt tinh thần. Đó là lý do anh không đồng ý ly hôn và mong muốn chị L suy nghĩ lại. Trường hợp chị vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị xác định có 02 con chung là Trần Thị T, sinh ngày 25/9/1998 và Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15/8/2002.

Quan điểm của chị L: Đối với con T đã đến tuổi trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con L, chị đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của con, con muốn ở với ai chị cũng nhất trí. Hiện nay, con chị đang sinh sống cùng anh T, con vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Anh T có nguyện vọng nuôi con chị hoàn toàn nhất trí.

Quan điểm của anh T: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con L và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay con L đang sinh sống cùng anh, anh không muốn con anh phải thay đổi môi trường sống, môi trường học tập của mình. Chị L không đủ khả năng để nuôi dưỡng con anh phát triển tốt bởi

chị sinh con ra nhưng chưa bao giờ biết chăm sóc cũng như quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của con. Hiện nay anh đang làm công nhân, thu nhập ổn định và có đủ mọi điều kiện để nuôi dưỡng con anh trưởng thành. Đối với con T đã đến tuổi thành niên, đi xây dựng gia đình nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ và công sức: Anh chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng qui định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng: Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *1. Về quan hệ vợ chồng:* Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T. *2. Về con chung:* Giao con Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15/8/2002 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với con Trần Thị T đã đến tuổi trưởng thành, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T .

[2]. Về nội dung vụ án:

+. *Quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã Kim Giang vào năm 1997. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng

sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày phù hợp với nhau. Cụ thể do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, niềm tin giành cho nhau không còn. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên chị xin ly hôn anh, anh không nhất trí ly hôn. Lý do anh không đồng ý không phải anh còn tình cảm với chị mà vì anh nghĩ đến con anh còn nhỏ, anh chị ly hôn thời điểm này là chưa phù hợp. Lý do trên của anh T không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Mặt khác, theo quy định của Luật HNGĐ thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau...HĐXX xét thấy, anh chị không thực hiện được các nghĩa vụ trên. Từ đó có thể khẳng định: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T là phù hợp với qui định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+. *Quan hệ con chung*: Đối với con Trần Thị T, hiện đã đến tuổi trưởng thành, có gia đình riêng nên anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Đối với con Trần Thị Thùy L, anh chị cùng thỏa thuận. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh T, anh chị cùng thống nhất: Anh T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con và chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nay, HĐXX xử cho chị L được ly hôn anh T và xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con Trần Thị Thùy L (con có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn) nên cần ghi nhận. Mặt khác, anh T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con phát triển tốt về mọi mặt và con vẫn do anh chăm sóc từ bé đến nay. Vì vậy, HĐXX xử giao con Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15/8/2002 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+. *Về tài sản chung, về nợ về công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Văn T.

2. *Về con chung*: Giao con Trần Thị Thùy L, sinh ngày 15/8/2002 cho anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với con Trần Thị T, sinh ngày 25/9/1998 đã đến tuổi trưởng thành nên HĐXX không phải giải quyết.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, về nợ, công sức đóng góp với gia đình hai bên*: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0002268 ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Thông báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thông báo cho anh T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Đào

